

## KẾ HOẠCH

### Triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm trong dịp Tết Trung thu năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Định

Thực hiện Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 13/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác hậu kiểm về an toàn thực phẩm năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Định; Công văn số 1888/ATTP-NĐTP ngày 15/8/2023 của Cục An toàn thực phẩm về việc tăng cường bảo đảm an toàn thực phẩm Tết Trung thu năm 2023; Công văn số 545/VPUBND-VX ngày 17/8/2023 của Văn phòng UBND tỉnh Bình Định về việc tăng cường phối hợp bảo đảm an toàn thực phẩm Tết Trung thu năm 2023 trên địa bàn tỉnh,

Ban Chỉ đạo liên ngành tỉnh Bình Định về an toàn thực phẩm (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo tỉnh) ban hành Kế hoạch triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm trong dịp Tết Trung thu năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Định (sau đây gọi tắt là Kế hoạch) như sau:

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1. Mục đích

- Triển khai hoạt động kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm (ATTP) từ cấp tỉnh đến cấp huyện, xã để đánh giá thực trạng việc chấp hành các quy định của pháp luật về ATTP tại các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm trên địa bàn tỉnh, tập trung ưu tiên các cơ sở sản xuất, kinh doanh: Bánh, kẹo, bia, rượu, nước giải khát, thịt và sản phẩm từ thịt, thực phẩm truyền thống sản xuất tại các làng nghề, cơ sở nhỏ lẻ, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố... Kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các trường hợp vi phạm về ATTP, hạn chế các vụ ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm, góp phần bảo vệ, nâng cao sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh.

- Huy động tối đa các kênh truyền thông để phổ biến các quy định của pháp luật về ATTP, cũng như các kiến thức trong lựa chọn, bảo quản, chế biến và tiêu dùng thực phẩm đến người dân.

### 2. Yêu cầu

- Kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào những vấn đề tồn tại trong quản lý, những vi phạm về bảo đảm ATTP trong sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu các loại thực phẩm, đặc biệt là các loại bánh, mứt, kẹo, bia rượu, nước giải khát.

- Phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng liên quan từ tỉnh đến huyện trong quá trình kiểm tra nhằm nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, tránh chồng chéo hoặc bỏ sót cơ sở trong quản lý nhà nước về ATTP tại địa phương. Đồng thời kết hợp làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục kiến thức, pháp luật về ATTP nhằm nâng cao nhận thức và ý thức của người dân, cộng đồng trong công tác bảo đảm ATTP.

## **II. THỜI GIAN VÀ PHẠM VI TRIỂN KHAI**

**1. Thời gian:** Từ ngày 11/9/2023 đến hết ngày 11/10/2023.

**2. Phạm vi:** Trên phạm vi toàn tỉnh.

## **III. CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI**

### **1. Hoạt động truyền thông**

Các sở, ngành, đơn vị liên quan huy động mọi nguồn lực, hình thức, các phương tiện truyền thông phù hợp để giáo dục, phổ biến các quy định của nhà nước về ATTP; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định về điều kiện và kiến thức về bảo đảm ATTP trong dịp Tết Trung thu năm 2023. Tập trung tuyên truyền, nâng cao kiến thức, thái độ, thực hành về ATTP; làm rõ vai trò, trách nhiệm của người quản lý, của người sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng trong việc bảo đảm chất lượng ATTP theo quy định hiện hành của Nhà nước cho các đối tượng sau:

- Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm: Thực hiện quy định pháp luật về ATTP quy định điều kiện cơ sở, trang thiết bị dụng cụ, yêu cầu về kiến thức, thực hành của người trực tiếp tham gia sản xuất, quy định về nguồn gốc nguyên liệu thực phẩm, quy định về đăng ký bản công bố, tự công bố sản phẩm, sử dụng phẩm màu, hương liệu, phụ gia, bao bì thực phẩm, ghi nhãn sản phẩm.

- Đối với người tiêu dùng: Hướng dẫn việc lựa chọn, chế biến, bảo quản và sử dụng thực phẩm an toàn; chỉ mua, sử dụng thực phẩm, phụ gia thực phẩm có nhãn mác đầy đủ, nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; không sử dụng phụ gia thực phẩm ngoài danh mục, không đúng đối tượng, liều lượng theo quy định.

Giao Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm (Tổ trưởng Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo) hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương, ... triển khai thực hiện công tác tuyên truyền về ATTP trong dịp Tết Trung thu năm 2023.

### **2. Hoạt động kiểm tra liên ngành**

- Công tác kiểm tra về ATTP trong dịp Tết Trung thu thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục I kèm theo Kế hoạch này.

- Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Công an tỉnh, Cục Quản lý thị trường thành lập các Đoàn kiểm tra liên ngành, tiến hành kiểm tra tại các huyện, thị xã, thành phố.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền quản lý nhà nước được giao, chịu trách nhiệm tổ chức triển khai các nội

dung của Kế hoạch này tại địa phương đảm bảo đạt mục tiêu, yêu cầu đề ra và tuân thủ quy định của pháp luật.

### **3. Đảm bảo việc xử lý khi xảy ra ngộ độc thực phẩm**

- Các cơ sở điều trị chuẩn bị sẵn sàng phương án, lực lượng thường trực, phương tiện, thuốc, vật tư, hóa chất để cấp cứu, điều trị, giảm thiểu ảnh hưởng khi có ngộ độc thực phẩm xảy ra trên địa bàn tỉnh.

- Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật và Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố theo dõi, nắm chắc thông tin và kịp thời điều tra, xử lý khi xảy ra ngộ độc thực phẩm trên địa bàn quản lý.

### **4. Tổng kết, báo cáo**

Kết thúc đợt triển khai, các sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan báo cáo kết quả thực hiện về Sở Y tế, cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh (qua Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, địa chỉ: 424 Nguyễn Thái Học, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định) trước ngày **11/10/2023** để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Cục An toàn thực phẩm - Bộ Y tế và các cơ quan liên quan.

(Mẫu báo cáo tại Phụ lục II kèm theo)

## **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

**1. Cấp tỉnh:** Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương và các đơn vị liên quan sử dụng nguồn kinh phí được giao dự toán năm 2023 để thực hiện Kế hoạch này, cụ thể:

- Kinh phí kiểm tra liên ngành: Tiền công tác phí, tiền hỗ trợ đi kiểm tra (nếu có) cho các thành viên do cơ quan, đơn vị cử cán bộ tham gia Đoàn kiểm tra chi trả theo quy định hiện hành của pháp luật.

- Kinh phí chi việc mua mẫu và thuê kiểm nghiệm mẫu, test nhanh phục vụ Đoàn kiểm tra do cơ quan làm Trưởng đoàn kiểm tra chi trả.

- Phương tiện kiểm tra: Đơn vị làm Trưởng đoàn kiểm tra chịu trách nhiệm bố trí xe ô tô phù hợp để đảm bảo phục vụ Đoàn kiểm tra.

**2. Cấp huyện, cấp xã:** Sử dụng nguồn kinh phí do địa phương cân đối, bố trí theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

**3. Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.**

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, UBND các huyện, thị xã, thành phố** theo chức năng nhiệm vụ về quản lý ATTP được quy định tại Luật An toàn thực phẩm, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức triển khai Kế hoạch này đạt mục tiêu, yêu cầu đề ra.

**2. Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa và Thể thao, Công an tỉnh, Cục Quản lý thị trường, Báo Bình Định, Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định, các đài truyền thanh cơ sở và các đơn vị liên quan** theo chức năng, nhiệm vụ

vụ được giao chịu trách nhiệm phối hợp tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

Đề nghị Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Kế hoạch này./

***Nơi nhận:***

- Cục ATTP - Bộ Y tế;
- Ông Lâm Hải Giang, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Y tế, NN&PTNT, Công Thương;
- Công an tỉnh; Cục Quản lý thị trường;
- Các thành viên BCĐ tỉnh (để biết);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- BCĐ các huyện, thị xã, thành phố;
- Chi cục ATVSTP;
- Trang TTĐT Sở Y tế;
- Lưu: VT, TTr, NVY.

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ  
Nguyễn Văn Trung**

**Phụ lục I**  
**HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI KIỂM TRA LIÊN NGÀNH**  
**TRONG DỊP TẾT TRUNG THU NĂM 2023**

Ban Chỉ đạo liên ngành tỉnh Bình Định về an toàn thực phẩm hướng dẫn chi tiết việc triển khai kiểm tra liên ngành trong dịp Tết Trung thu năm 2023, cụ thể như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

- Đánh giá thực trạng việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo đảm ATTP của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm, dịch vụ ăn uống, tập trung các mặt hàng thực phẩm phục vụ Tết Trung thu.

- Thông qua đợt kiểm tra, kịp thời truy xuất thu hồi các sản phẩm không đảm bảo an toàn thực phẩm, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm và công khai tên cơ sở, địa chỉ, loại sản phẩm vi phạm trên các phương tiện thông tin đại chúng, nếu có dấu hiệu hình sự đề nghị chuyển cơ quan công an để xử lý theo quy định của pháp luật.

**2. Yêu cầu**

- Kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm, tập trung ưu tiên các cơ sở sản xuất kinh doanh bánh trung thu, bánh kẹo nước giải khát, thực phẩm truyền thống sản xuất tại các làng nghề, cơ sở nhỏ lẻ, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống....

- Trong quá trình kiểm tra kết hợp làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục kiến thức, pháp luật về ATTP, nâng cao nhận thức và ý thức của cộng đồng trong công tác bảo đảm ATTP.

- Trong quá trình kiểm tra cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng liên quan từ tuyến tỉnh đến tuyến huyện nhằm nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, đồng thời tránh chồng chéo hoặc bỏ sót cơ sở trong quá trình quản lý nhà nước về ATTP ở địa phương.

**II. ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG KIỂM TRA**

**1. Đối tượng kiểm tra**

Đối tượng kiểm tra chủ yếu là các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm, tập trung những cơ sở sản xuất, kinh doanh các mặt hàng thực phẩm được sử dụng nhiều trong dịp Tết Trung thu như bánh, mứt, kẹo, bia rượu, nước giải khát, thịt, sản phẩm từ thịt, chợ đầu mối, siêu thị, cơ sở thương mại, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống...

Các đoàn kiểm tra liên ngành tuyến tỉnh tập trung kiểm tra những cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm với số lượng lớn; các chợ đầu mối, siêu thị, trung tâm thương mại;

Các đoàn kiểm tra liên ngành tuyến huyện/xã tập trung kiểm tra các cơ sở thực phẩm vừa và nhỏ, chú trọng các cơ sở mua bán bánh kẹo tại các chợ truyền thống...

## 2. Nội dung kiểm tra

Tập trung kiểm tra việc thực hiện các quy định tại các văn bản:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010;
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm; Nghị định số 124/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm và Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế;
- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
- Các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

Một số nội dung tập trung kiểm tra như sau:

### a) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP (*đối với những cơ sở thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP*); Giấy cam kết đảm bảo ATTP (*đối với những cơ sở không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP*);
- Giấy chứng nhận sức khỏe của chủ cơ sở và người lao động trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm; Giấy xác nhận tập huấn kiến thức về ATTP (*đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm*);
- Điều kiện bảo đảm ATTP; điều kiện về trang thiết bị, dụng cụ, con người.
- Việc thực hiện các quy định về tự công bố sản phẩm/đăng ký bản công bố sản phẩm, trình tự công bố sản phẩm, phiếu kết quả kiểm nghiệm và các hồ sơ, tài liệu pháp lý quy định tại Chương II và Chương III Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018;

- Lấy mẫu kiểm nghiệm các chỉ tiêu ATTP theo quy định khi cần thiết.

### b) Đối với sản phẩm thực phẩm đang lưu thông trên thị trường

- Việc thực hiện các quy định về tự công bố sản phẩm/đăng ký bản công

bổ sản phẩm, trình tự công bố sản phẩm, phiếu kết quả kiểm nghiệm và các hồ sơ, tài liệu pháp lý quy định tại Chương II và Chương III Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018;

- Việc ghi nhãn sản phẩm thực phẩm đối với những sản phẩm thuộc diện phải ghi nhãn;

- Về quảng cáo đối với các nhóm thực phẩm phải đăng ký nội dung trước khi thực hiện quảng cáo quy định tại Điều 26 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018;

- Truy xuất nguồn gốc thực phẩm thực hiện theo quy định tại Chương XI Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018;

- Lấy mẫu kiểm nghiệm các chỉ tiêu ATTP theo quy định khi cần thiết.

### **III. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA**

Tiến hành kiểm tra trực tiếp tại cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, quảng cáo thực phẩm. Các đoàn kiểm tra tuyến tỉnh tập trung kiểm tra những cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm với số lượng lớn; các chợ đầu mối, siêu thị, trung tâm thương mại; các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống. Trong quá trình kiểm tra chú trọng:

- Nghe báo cáo việc chấp hành các quy định về bảo đảm ATTP của cơ sở.

- Thu thập tài liệu liên quan.

- Kiểm tra thực tế cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

- Lấy mẫu để kiểm nghiệm các chỉ tiêu ATTP.

- Lập biên bản kiểm tra, biên bản vi phạm hành chính (nếu có).

- Phân tích, đánh giá hồ sơ liên quan ATTP.

- Phân tích đánh giá kết quả kiểm nghiệm để hoàn thành báo cáo.

- Kết thúc đợt kiểm tra yêu cầu các địa phương, các đoàn kiểm tra tiến hành nhận xét, đánh giá việc thực hiện các quy định của pháp luật về ATTP trong sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, quảng cáo thực phẩm và đề xuất các giải pháp tăng cường quản lý ATTP trên địa bàn tỉnh.

### **IV. XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **1. Căn cứ xử lý vi phạm**

- Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20/6/2012; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020;

- Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

- Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về việc

quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm; Nghị định số 124/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm và Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế;

- Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ về việc quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ; năng lượng nguyên tử;

- Nghị định số 38/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo;

- Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

- Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y;

- Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật;

- Nghị định số 04/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03/01/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y;

- Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi;

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh Rượu;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

## **2. Thực hiện xử lý vi phạm**

Các đoàn kiểm tra khi phát hiện vi phạm phải xử lý theo đúng quy định



của pháp luật; tuyệt đối không để thực phẩm không bảo đảm ATTP được phát hiện trong quá trình kiểm tra lưu thông trên thị trường. Xử lý nghiêm các đơn vị, cá nhân vi phạm quy định về bảo đảm ATTP. Áp dụng các biện pháp đình chỉ hoạt động của cơ sở sản xuất, kinh doanh vi phạm quy định về ATTP, khắc phục hậu quả; tịch thu tang vật, thu hồi, tiêu hủy sản phẩm vi phạm về ATTP theo quy định của pháp luật.

Thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính về ATTP theo đúng quy định của pháp luật.

## **V. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

### **1. Thành lập các Đoàn kiểm tra liên ngành tuyến tỉnh**

Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Công an tỉnh, Cục Quản lý thị trường thành lập 03 Đoàn kiểm tra liên ngành, tiến hành kiểm tra tại 08 huyện, thị xã, thành phố, cụ thể bao gồm:

- Đoàn số 1: Trưởng đoàn là công chức của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm; các thành viên là công chức thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Công an tỉnh, Cục Quản lý thị trường, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tiến hành kiểm tra tại địa bàn thành phố Quy Nhơn và huyện Hoài Ân.

- Đoàn số 2: Trưởng đoàn là công chức của Sở Công Thương; các thành viên là công chức thuộc Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công an tỉnh, Cục Quản lý thị trường, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tiến hành kiểm tra tại địa bàn thị xã An Nhơn và các huyện Phù Cát, Phù Mỹ.

- Đoàn số 3: Trưởng đoàn là công chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các thành viên là công chức thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Công an tỉnh, Cục Quản lý thị trường, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tiến hành kiểm tra tại địa bàn thị xã Hoài Nhơn và các huyện Tuy Phước, Tây Sơn.

Đối với đơn vị được giao chủ trì công tác kiểm tra liên ngành đề nghị chủ động rà soát các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm đã được kiểm tra trong năm 2023, xây dựng danh sách cơ sở dự kiến kiểm tra trong dịp Tết Trung thu nhằm đảm bảo tránh chồng chéo và tạo thuận lợi trong hoạt động kiểm tra ATTP của các đoàn kiểm tra liên ngành.

### **2. Tại các huyện, thị xã, thành phố**

Ban Chỉ đạo tỉnh đề nghị Ban Chỉ đạo các huyện, thị xã, thành phố triển khai các nội dung sau:

- Chỉ đạo Phòng Y tế phối hợp với các cơ quan liên quan ở địa phương, tham mưu UBND huyện, thị xã, thành phố thành lập các Đoàn kiểm tra liên ngành, tiến hành kiểm tra tại các cơ sở thực phẩm theo phân cấp quản lý; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với cơ sở có hành vi vi phạm các quy định về bảo đảm chất lượng ATTP.

- Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn xây dựng kế hoạch triển khai Tết Trung thu năm 2023 và tổ chức các Đoàn kiểm tra, tiến hành kiểm tra tại các cơ sở thực phẩm trên địa theo phân cấp quản lý; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với cơ sở có hành vi vi phạm các quy định về ATTP.

- Phối hợp với các Đoàn kiểm tra liên ngành của tỉnh tiến hành kiểm tra tại các cơ sở thực phẩm khi các Đoàn đến kiểm tra tại địa phương. Đề xuất việc kiểm tra đối với các cơ sở thực phẩm trên địa bàn quản lý.

- Kết thúc đợt kiểm tra, đề nghị các địa phương tổng hợp số liệu, báo cáo kết quả kiểm tra theo mẫu về Sở Y tế, cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh (*bộ phận tổng hợp: Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm*) để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Cục An toàn thực phẩm, Bộ Y tế (*Thường trực Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương*), thời gian báo cáo trước ngày **11/10/2023**.

### **3. Kinh phí và phương tiện phục vụ kiểm tra**

Kinh phí thực hiện theo Mục IV của Kế hoạch.

### **4. Tiến trình thực hiện**

- Trước ngày 15/9/2023: Hoàn thành công tác chuẩn bị kiểm tra, xây dựng kế hoạch kiểm tra, tổ chức lực lượng, thành lập đoàn kiểm tra.

- Ngày 15/9/2023: Đoàn kiểm tra tiến hành công tác chuẩn bị theo các nội dung: Họp đoàn kiểm tra để phổ biến và thống nhất chương trình nội dung kiểm tra. Đoàn kiểm tra do cơ quan nào chủ trì (*làm trưởng Đoàn kiểm tra*) chịu trách nhiệm chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho hoạt động kiểm tra: Biên bản kiểm tra; Biên bản xử phạt vi phạm hành chính; Biên bản lấy mẫu thực phẩm....

- Từ ngày 18/9/2023 đến ngày 29/9/2023: Tiến hành kiểm tra tại cơ sở theo nội dung và thời gian đã quy định.

- Từ ngày 02/10/2023 đến ngày 11/10/2023: Tổng hợp kết quả kiểm tra, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Y tế./.

**LỊCH KIỂM TRA LIÊN NGÀNH TRONG DỊP TẾT TRUNG THU  
NĂM 2023**

| <b>Ngày</b>   | 18/9/2023 | 19/9/2023 | 20/9/2023 | 21/9/2023 | 22/9/2023 |
|---------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| <b>Đoàn 1</b> | Quy Nhơn  | Quy Nhơn  | Quy Nhơn  | Hoài Ân   | Hợp Đoàn  |
| <b>Đoàn 2</b> | An Nhơn   | An Nhơn   | Phù Cát   | Phù Mỹ    | Hợp Đoàn  |
| <b>Đoàn 3</b> | Hoài Nhơn | Hoài Nhơn | Tuy Phước | Tây Sơn   | Hợp Đoàn  |

**Phụ lục II**  
**MẪU BÁO CÁO**

Đơn vị:.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số.....

....., ngày tháng năm 2023

**BÁO CÁO**

**Kết quả triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm**  
**trong dịp tết trung thu năm 2023**

Kính gửi: .....

**I. QUẢN LÝ CHỈ ĐẠO**

**II. THÔNG TIN, TRUYỀN THÔNG**

| TT | Nội dung hoạt động                     | Tuyến xã (1)               |          | Tuyến huyện (2)                  |          | Tuyến tỉnh (3) |         | Cộng (1+2+3) |
|----|--|----------------------------|----------|----------------------------------|----------|----------------|---------|--------------|
|    |  | Số xã thực hiện/Tổng số xã | Số lượng | Số huyện thực hiện/Tổng số huyện | Số lượng | Số lượng       | Ghi chú |              |
| 1  | Nói chuyện/Hội thảo (buổi/ người dự)   |                            |          |                                  |          |                |         |              |
| 2  | Tập huấn (Lớp/tổng số người dự)        |                            |          |                                  |          |                |         |              |
| 3  | Phát thanh loa, đài (tin,bài,phóng sự) |                            |          |                                  |          |                |         |              |
| 4  | Truyền hình (Buổi/tọa đàm, phóng sự)   |                            |          |                                  |          |                |         |              |
| 5  | Báo viết (tin/bài/phóng sự)            |                            |          |                                  |          |                |         |              |
| 6  | Băng rôn, khẩu hiệu                    |                            |          |                                  |          |                |         |              |
| 7  | Tranh áp phích/Posters                 |                            |          |                                  |          |                |         |              |
| 8  | Tờ gấp, tờ rơi                         |                            |          |                                  |          |                |         |              |
| 9  | Hoạt động khác (ghi rõ)                |                            |          |                                  |          |                |         |              |

### III. THANH TRA, KIỂM TRA

1. Số lượng: ..... đoàn: .....
2. Số cơ sở được thanh tra, kiểm tra: .....
3. Kết quả chi tiết:

| TT  | Nội dung                                   | Tuyến xã (1)      |          |            |            |      | Tuyến Huyện (2)   |          |            |            |      | Tuyến Tỉnh (3)    |          |            |            |      | Cộng<br>(1+2+3) |
|-----|--|-------------------|----------|------------|------------|------|-------------------|----------|------------|------------|------|-------------------|----------|------------|------------|------|-----------------|
|     |  | Sản<br>xuất<br>TP | KDT<br>P | KD<br>DVẤU | KD<br>TẮĐP | Cộng | Sản<br>xuất<br>TP | KDT<br>P | KD<br>DVẤU | KD<br>TẮĐP | Cộng | Sản<br>xuất<br>TP | KDT<br>P | KD<br>DVẤU | KD<br>TẮĐP | Cộng |                 |
| 1   | Tổng số cơ sở                              |                   |          |            |            |      |                   |          |            |            |      |                   |          |            |            |      |                 |
| 2   | Số cơ sở được thanh,<br>kiểm tra           |                   |          |            |            |      |                   |          |            |            |      |                   |          |            |            |      |                 |
|     | Số CS đạt (SL)                             |                   |          |            |            |      |                   |          |            |            |      |                   |          |            |            |      |                 |
|     | Số CS vi phạm (SL)                         |                   |          |            |            |      |                   |          |            |            |      |                   |          |            |            |      |                 |
| 3   | Xử lý vi phạm                              |                   |          |            |            |      |                   |          |            |            |      |                   |          |            |            |      |                 |
| 3.1 | Phạt tiền:                                 |                   |          |            |            |      |                   |          |            |            |      |                   |          |            |            |      |                 |
|     | Số cơ sở                                   |                   |          |            |            |      |                   |          |            |            |      |                   |          |            |            |      |                 |
|     | Tiền phạt (đồng)                           |                   |          |            |            |      |                   |          |            |            |      |                   |          |            |            |      |                 |
| 3.2 | Xử phạt bổ sung                            |                   |          |            |            |      |                   |          |            |            |      |                   |          |            |            |      |                 |
| a   | Tước quyền xử dụng<br>GCN                  |                   |          |            |            |      |                   |          |            |            |      |                   |          |            |            |      |                 |
|     | + Giấy CN CS đủ điều<br>kiện ATTP          |                   |          |            |            |      |                   |          |            |            |      |                   |          |            |            |      |                 |
|     | + Giấy chứng nhận<br>GMP                   |                   |          |            |            |      |                   |          |            |            |      |                   |          |            |            |      |                 |
|     | + Giấy tiếp nhận bản<br>đăng ký công bố SP |                   |          |            |            |      |                   |          |            |            |      |                   |          |            |            |      |                 |
|     | + Giấy XNQC                                |                   |          |            |            |      |                   |          |            |            |      |                   |          |            |            |      |                 |
| b   | Đình chỉ hoạt động                         |                   |          |            |            |      |                   |          |            |            |      |                   |          |            |            |      |                 |
| c   | Tịch thu tang vật                          |                   |          |            |            |      |                   |          |            |            |      |                   |          |            |            |      |                 |
| 3.3 | Khắc phục hậu quả<br>(loại, trọng lượng):  |                   |          |            |            |      |                   |          |            |            |      |                   |          |            |            |      |                 |
|     | Buộc thu hồi                               |                   |          |            |            |      |                   |          |            |            |      |                   |          |            |            |      |                 |
|     | Buộc tiêu hủy                              |                   |          |            |            |      |                   |          |            |            |      |                   |          |            |            |      |                 |
|     | Khắc (ghi rõ)                              |                   |          |            |            |      |                   |          |            |            |      |                   |          |            |            |      |                 |
| 4   | Xử lý khác                                 |                   |          |            |            |      |                   |          |            |            |      |                   |          |            |            |      |                 |
| 4.1 | Đình chỉ lưu hành                          |                   |          |            |            |      |                   |          |            |            |      |                   |          |            |            |      |                 |
| 4.2 | Chuyên cơ quan điều<br>tra                 |                   |          |            |            |      |                   |          |            |            |      |                   |          |            |            |      |                 |

#### IV. KIỂM NGHIỆM THỰC PHẨM

| TT                | Nội dung                             | Tuyển xã (1) | Tuyển huyện (2) | Tuyển tỉnh (3) | Cộng (1+2+3) |
|-------------------|--------------------------------------|--------------|-----------------|----------------|--------------|
| 1                 | Xét nghiệm tại labo<br>(Tổng số mẫu) |              |                 |                |              |
| 1.1               | Hóa lý (Tổng số mẫu)                 |              |                 |                |              |
|                   | Số mẫu đạt                           |              |                 |                |              |
|                   | Số mẫu không đạt                     |              |                 |                |              |
| 1.2               | Vi sinh (Tổng số mẫu)                |              |                 |                |              |
|                   | Số mẫu đạt                           |              |                 |                |              |
|                   | Số mẫu không đạt                     |              |                 |                |              |
| 2                 | Xét nghiệm nhanh<br>(Tổng số mẫu)    |              |                 |                |              |
| 2.1               | Hóa lý (Tổng số mẫu)                 |              |                 |                |              |
|                   | Số mẫu đạt                           |              |                 |                |              |
|                   | Số mẫu không đạt                     |              |                 |                |              |
| 2.2               | Vi sinh (Tổng số mẫu)                |              |                 |                |              |
|                   | Số mẫu đạt                           |              |                 |                |              |
|                   | Số mẫu không đạt                     |              |                 |                |              |
| <b>Tổng (1+2)</b> |                                      |              |                 |                |              |

#### V. NGỘ ĐỘC THỰC PHẨM

| TT          | Nội dung                       | Kết quả<br>(Từ 11/9/2023 - 11/10/2023) |
|-------------|--------------------------------|--|
| 1           | Số vụ                          |  |
| 2           | Số mắc (người)                 |  |
| 3           | Số tử vong (người)             |  |
| 4           | Số vụ $\geq 30$ người mắc (vụ) |  |
| 5           | Nguyên nhân (vụ)               |  |
|             | - Vi sinh                      |  |
|             | - Hóa học                      |  |
|             | - Độc tố tự nhiên              |  |
|             | - Không xác định               |  |
| <b>Cộng</b> |                                |  |

#### V. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC (nếu có ghi cụ thể)

.....  
.....

**VI. ĐÁNH GIÁ CHUNG** (Đề nghị nhận xét, đánh giá cụ thể theo số liệu thực tế tại các bảng)

1. Thuận lợi:

.....  
.....

2. Khó khăn:

.....  
.....

3. Đề xuất, kiến nghị:

.....  
.....

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- ....
- Lưu.

**LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ**

*(Ký tên đóng dấu)*